

95ZV-2

XE XÚC LẬT

Động cơ: Phun trực tiếp, turbo tăng áp 268kW(359hp)

Trọng lượng vận hành 33 tấn, dung tích gầu 4.5-5.5m³

Khung chính của máy cứng và chắc chắn

Các cụm bộ phận thủy lực bền chắc

Máy hiệu suất cao và đáng tin cậy.



P hát huy hiệu suất

Các máy xúc lật mang đến một nguồn công suất tuyệt vời...



Từ hơn nửa thế kỷ trước
trải nghiệm đổi mới...

Bền vững và đáng tin cậy, bạn hoàn toàn có thể tin tưởng...



Xuất phát điểm từ một nhà sản xuất lâu đời máy xúc lật bánh lốp của thế giới, KCM đã thành công trong việc thiết kế và sản xuất dòng xe xúc lật kiểu khớp xoay.

Bạn đang sử dụng một thiết bị là tài sản của hơn nửa thế kỷ thành công trong việc cải tiến.

Công suất và năng suất mà máy xúc lật KCM đem đến là cả kết quả của một quá trình thực nghiệm.

Xe xúc lật KCM được thiết kế với độ bền vững, ít yêu cầu bảo trì bảo dưỡng.

Mạng lưới các đại lý được hỗ trợ bởi các chuyên gia về thiết bị hạng nặng cùng lực lượng nhân viên hỗ trợ từ đội phụ tùng KCM và hệ thống dịch vụ, việc đầu tư của bạn vào xe xúc lật KCM là một sự lựa chọn đúng đắn và chính nó sẽ đem đến cho bạn nguồn lợi trong những năm tới.

P

HÁT HUY CÔNG SUẤT VÀ HIỆU SUẤT MÁY NHẪM MANG ĐẾN TÍNH NĂNG SUẤT CHO THIẾT BỊ



ĐỘNG CƠ ĐƯỢC KIỂM SOÁT BẰNG MÁY TÍNH

Module kiểm soát động cơ (ECM) cho phép điều chỉnh công suất động cơ tương thích với các yêu cầu của từng loại ứng dụng.

Nó cũng cung cấp cho người dùng dữ liệu vận hành và các mã lỗi nhằm hỗ trợ cho việc chẩn đoán và xử lý sự cố. Động cơ Cummins hỗ trợ các công cụ chẩn đoán cho phép thợ kỹ thuật xử lý, phân tích các thông tin thiết bị nhanh và chuẩn xác.

Tiêu chuẩn khí thải euro Stage IIIA và EPA Tier III được thỏa mãn thông qua việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến, điều này giúp giữ cho thiết kế thật đơn giản và ít chi phí bảo trì.



Sử dụng nhiên liệu được KCM khuyến cáo để ngăn động cơ bị hỏng. Liên hệ với đơn vị phân phối KCM địa phương để nắm thông tin về các nhiên liệu khuyến cáo.

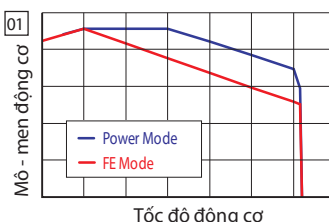
CẢI THIỆN TÍNH NĂNG CỦA LỰC KÉO DI CHUYỂN VÀ TĂNG TỐC

Hệ thống truyền động được thiết kế để tăng hiệu quả vận hành và phạm vi ứng dụng thiết bị. Mô men xoắn được cải thiện và tương thích giữa động cơ cùng bộ biến mô tạo nên sự nổi trội về năng suất máy.

LỰA CHỌN MODE POWER HOẶC TỐI ƯU NHIÊN LIỆU

01

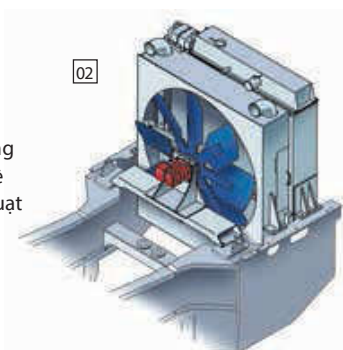
Công tắc chuyển mode động cơ cho phép thợ vận hành lựa chọn chế độ power mode để tối ưu công suất hoặc chế độ sử dụng hiệu quả nhiên liệu, trong hầu hết các ứng dụng yêu cầu chế độ tiết kiệm nhiên liệu.



TÍNH NĂNG KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG QUẠT LÀM MÁT BẰNG THỦY LỰC

02

Tốc độ quạt làm mát, bộ phận được dẫn động bằng thủy lực, được kiểm soát thông qua nhiệt độ của hệ thống làm mát, điều này sẽ giúp giảm độ ồn cho quạt và cải thiện hiệu quả tiêu thụ nhiên liệu.



TPD

04

Vì sai cân đối mô men xoắn tiêu chuẩn (TPD) giúp cải thiện lực kéo di chuyển trong các môi trường dễ xảy ra trượt.

KHỚP NỐI CHỮ Z VÀ HỆ THỐNG KHỚP XOAY VỚI CHỐT ĐỊNH TÂM

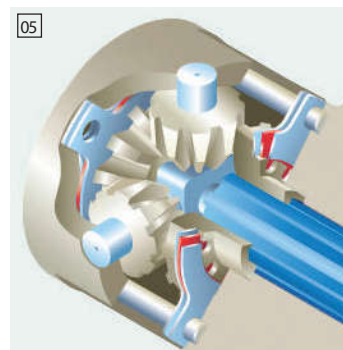
Là đơn vị tiên phong với thiết kế khớp nối chữ Z, KCM mang đến một loại thiết bị nổi bật với sức phá hủy vật liệu chỉ bởi các khớp nối đơn giản. Chốt định tâm KCM được thiết kế với bề mặt xù xì và bền chắc, giúp máy hoạt động hàng nghìn giờ mà không có bất kỳ sự cố nào.



04

HỆ THỐNG THỦY LỰC GỬI TÍN HIỆU TẢI CHO CÁC ĐƯỜNG TÍN HIỆU LÁI CHUYỂN

Thiết kế hiệu quả của hệ thống thủy lực giúp cho dòng thủy lực điều khiển hệ thống lái cung cấp tín hiệu cân chỉnh giúp đáp ứng các yêu cầu lái chuyển cho máy. Điều này cho phép phát huy toàn bộ khả năng của bơm trong mọi điều kiện nhằm đạt được mục đích vận hành tốt nhất.



05

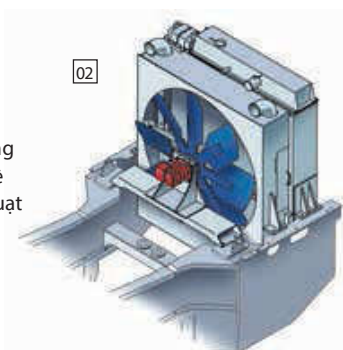
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÔNG TẢI

Hệ thống kiểm soát không tải cho phép máy đạt tốc độ thấp lúc chạy không tải để bảo lưu nhiên liệu. Nó cũng có thể tăng tốc độ chạy không tải và giảm tốc độ quạt làm mát khi động cơ nguội để giảm thời gian làm nóng máy, từ đó tăng hiệu quả sử dụng máy.

PHANH ĐĨA ỨT LẮP PHÍA NGOÀI

03

Phanh đĩa ứt cung cấp khả năng phanh tốt hơn và bảo vệ khỏi các nhiễm bẩn. Hệ thống 2 mạch thủy lực cho cầu trước và sau độc lập được đưa vào để tăng tính an toàn.



LSD (TÙY CHỌN)

05

Với các ứng dụng yêu cầu lực kéo di chuyển lớn, tùy chọn bộ vi sai trượt giới hạn (LSD) sẽ giúp gia tăng sức kéo di chuyển cho máy.

KHÓA LI HỢP THỦY LỰC

(TÙY CHỌN)

Tùy chọn khóa li hợp của bộ biến mô cung cấp sự hiệu quả về dẫn động khi máy hoạt động ở tốc độ cao. Điều này cải thiện đáng kể tiêu hao nhiên liệu cho các ứng dụng cần kéo, vận chuyển vật liệu trong khoảng thời gian dài, đồng thời cải thiện khả năng làm việc của máy khi phải leo dốc.

KÍCH HOẠT KIỂM SOÁT DI CHUYỂN

(TÙY CHỌN)

Kiểm soát lực kéo giúp giảm hiện tượng trượt bằng cách tự động giảm tốc độ động cơ khi bánh xe có dấu hiệu xoay.

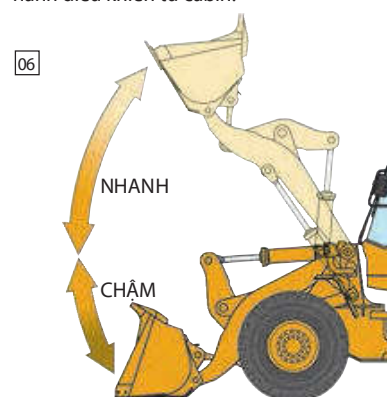
ELS (Hệ thống tải vật liệu hiệu quả)

06

Tăng công suất kéo vành và làm chậm lại di chuyển của gầu khi đào để giảm tiêu hao nhiên liệu.

Tăng năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu.

Mở bảng điều khiển có thể cho phép thợ vận hành điều khiển từ cabin.



06

BỀN CHẮC và ĐÁNG TIN CẬY

TAY NÂNG / GẦU 01

Với trục nâng gầu và các mối nối chắc khỏe, máy xúc lật KCM hoạt động tốt trong nhiều ứng dụng đa dạng.

Lực xúc lớn và nâng gầu trở lên một cách tuyệt vời chứng tỏ máy có thể làm việc với tải lớn và giữ được một lượng vật liệu lớn trên gầu.

Gầu được thiết kế để dễ vận chuyển và được trang bị các tấm vát mép gắn bằng bu lông cho phép việc thay thế nhanh.

Cảm biến vị trí cho gầu là tiêu chuẩn.



ẮC BẢN LỀ CỦA GẦU ĐƯỢC LÀM KÍN 02

Việc làm kín ắc của gầu tạo nên sự duy trì độ trơn và kín của ắc, từ đó giúp gia tăng tuổi thọ của ắc.



CÁC KHOẢNG THỜI GIAN BÔI TRƠN ĐƯỢC GIA TĂNG CHO CÁC KHỚP NỐI PHỔ THÔNG 03

Các khớp nối phổ thông đã được làm kín chỉ yêu cầu bôi mỡ mỗi 12000 giờ. Điều này giúp giảm một lượng lớn chi phí bảo trì và tạo nên độ bền tuyệt vời hơn cho máy.



PHANH ĐỔ DẠNG ĐĨA UỚT

Phanh đổ dạng đĩa uớt với khả năng làm việc cho phép đạt được lực phanh đáp ứng được mọi yêu cầu sử dụng.

BỘ ĐIỀU CHỈNH DỌC ĐƯỜNG (TỰY CHỌN) 05

Bộ kiểm soát di chuyển cung cấp tính êm dịu, cải thiện khả năng giữ tải trong lúc di chuyển, đồng thời giúp tăng tốc độ di chuyển.

VÒNG PHỐT CHO CÁC XI LANH THỦY LỰC

Các xi lanh thủy lực sử dụng vòng phốt giúp gia tăng độ kín và giảm thiểu rò rỉ.

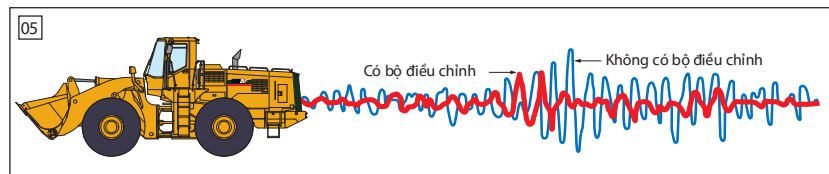
KHUNG MÁY DẠNG LIỀN KHỐI 04

Khung xe dạng nguyên khối của thiết bị này là bộ khung khỏe nhất trong dòng thiết bị và khả năng kháng lại tải gây xoắn tốt hơn so với khung loại ghép từ các tấm.

KCM CHẾ TẠO CÁC VAN THỦY LỰC

Là nhà sản xuất hàng đầu về các cụm bộ phận thủy lực, KCM cung cấp các loại van điều khiển với chất lượng cao nhằm tạo nên tính năng vận hành chính xác cho máy.

Việc điều khiển thông qua áp kích thích giúp cho phép vận hành thông qua các ngón tay.



DỄ DÀNG TRUY CẬP BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG ĐƠN GIẢN



DỄ DÀNG TRUY CẬP BẢO TRÌ ĐƠN GIẢN

Công tác bảo trì thiết bị được cải tiến với các cửa truy cập vào cụm động cơ có thể mở rộng để tăng khả năng tiếp cận. Các phin lọc được lắp dễ thay và các đầu nối bôi mỡ được bố trí thành cụm để giảm thời gian cho việc bảo trì, đồng thời đảm bảo luôn bôi trơn theo khuyến cáo.



CÁC ĐÈN LÀM VIỆC HALOGEN

Các đèn làm việc trước và sau, là loại đèn halogen nhằm cải thiện tính an toàn và tầm nhìn.

CÁC ĐÈN PHÍA SAU (TÙY CHỌN)

Các đèn LED tuổi thọ cao sẵn có như một tùy chọn cho đèn ở sau đuôi xe. Những đèn này rất sáng và bền.

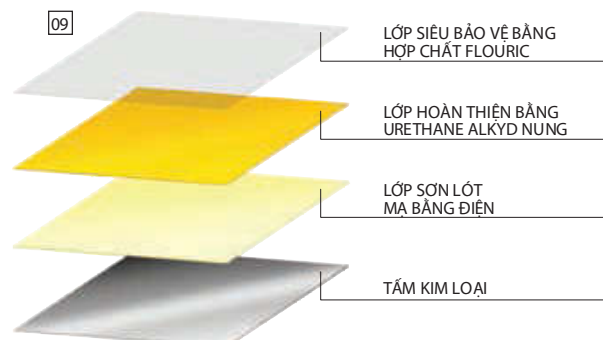


CÁC GIẮC SKEETS NỐI DT

Các giắc nối điện Deutsch DT được sử dụng trên toàn bộ hệ thống điện của thiết bị giúp chịu tác động mài mòn và cung cấp sự kết nối tốt.

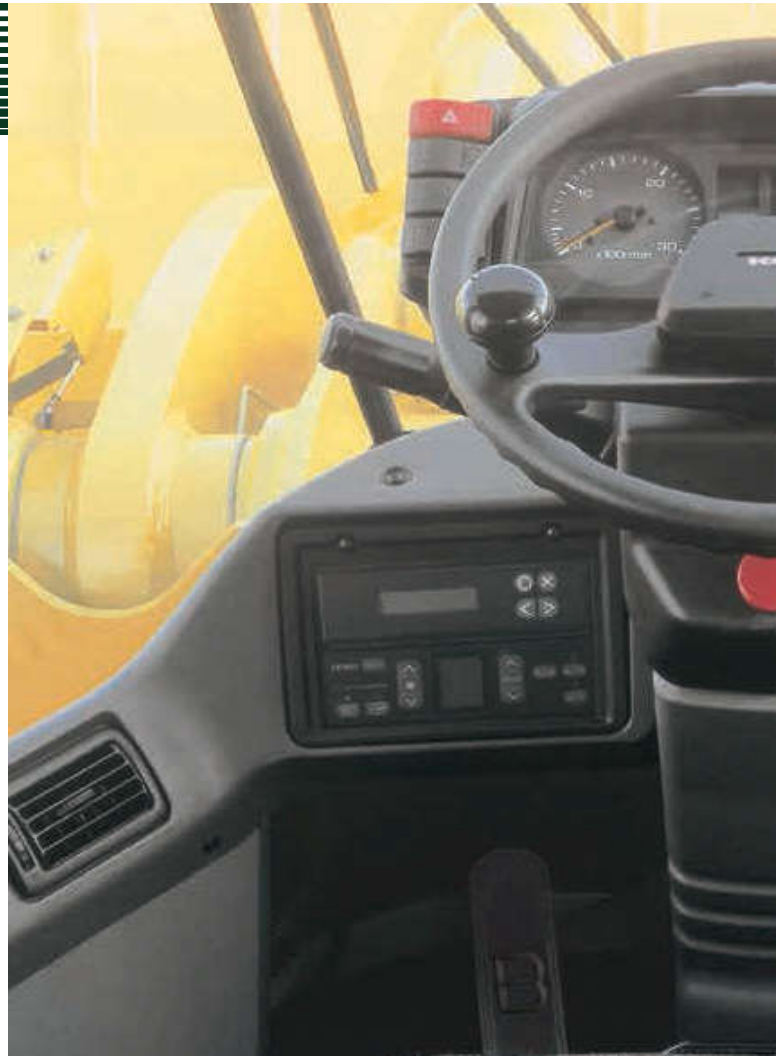
SƠN CHẤT LƯỢNG CAO CHO CÁC TẦM CHẮN TRÊN XE

Công tác xử lý sơn tỉ mỉ của KCM sử dụng lớp sơn lót ED (mạ bằng điện), một lớp hoàn thiện bằng Urethane Alkyd cũng như một lớp siêu bảo vệ bằng hợp chất Flouric tạo cho sản phẩm tính bền vững và thu hút.



Cabin

Thiết kế tiện nghi



CABIN

Tầm quan sát tuyệt vời khắp mọi hướng được tăng cường nhờ vào các gương phía trong và phía ngoài của cabin.

Thanh gạt nước phía trước được lắp khít vào kính qua các đệm cao su, điều này giúp cho việc thay thế gạt nước nhanh và dễ dàng.

Cabin được lắp giúp giảm ồn và rung.

ROPS / FOPS 01

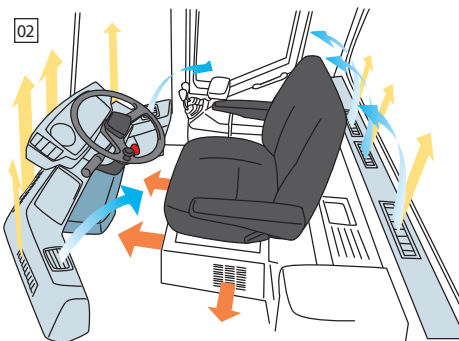
Cabin được chứng nhận đáp ứng đầy đủ các quy định về hệ thống ROPS (Cấu trúc bảo vệ chống lật) và FOPS (Cấu trúc bảo vệ chống vật liệu rơi).



BỘ THIẾT BỊ ĐIỀU HÒA VÀ XÔNG NHIỆT TỰ ĐỘNG HOÀN TOÀN 02

Máy điều hòa/Máy xông được kiểm soát ổn định nhiệt cung cấp các điều chỉnh tự động để giữ cho người vận hành luôn thoải mái trong bất kỳ điều kiện môi trường nào. Các lỗ thông hơi cung cấp đủ khí để phân bố nhiệt độ đồng đều và làm ấm hiệu quả toàn cabin.

Chỉ bằng cách nhấn nút trong cabin, hệ thống kiểm soát nhiệt cabin sẽ giữ cho bụi bẩn di chuyển ra ngoài cabin.

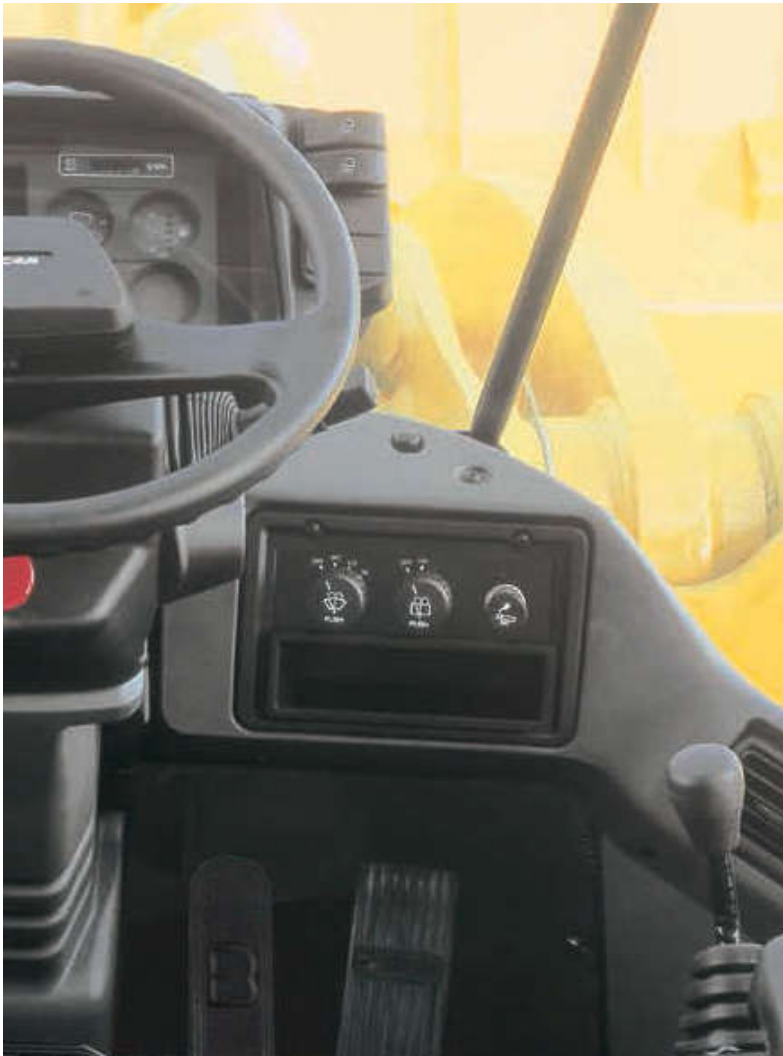


GHẾ NGƯỜI VẬN HÀNH ĐA CHỨC NĂNG ĐIỀU KHIỂN 03

Ghế ngồi lắp trên lò xo và có thể điều khiển cung cấp sự tiện nghi tuyệt đối giảm mệt mỏi cho người điều khiển, đồng thời tăng hiệu suất công việc.

Tùy chọn ghế đệm khí nén cung cấp thêm cho người vận hành sự thoải mái và có độ tin cậy cao.





MỘT TAY TRANG SANG SỔ

Cần vào sổ thô ráp với các đường xoắn được lắp thuận tiện trên cụm vô lăng lái.

MODM 04

Module chẩn đoán tình trạng vận hành máy cung cấp các thông tin giúp cho việc vận hành, bảo trì thiết bị và xử lý các sự cố một cách hiệu quả hơn. Với các thông tin này, thợ vận hành, nhân viên kỹ thuật có thể nhanh chóng xác định các dữ liệu hoạt động mẫu chốt của máy.



RADIO (TÙY CHỌN) VÀ CÁC HỘP CHỨA

Thợ vận hành sẽ cảm thấy tiện lợi nhờ vào trang bị radio, hộp chứa găng tay, hộp để cốc nước và ngăn chứa có thể kiểm soát nóng lạnh.

CÔNG TẮC CHUYỂN HƯỚNG BỔ SUNG THÊM (TÙY CHỌN) 05

Công tắc chuyển hướng lắp gần tay trang điều khiển cho phép người vận hành dễ dàng thay đổi hướng lái mà không cần rời tay trái của anh ta khỏi vô lăng.



CÁC CÔNG TẮC VÀO SỔ 05

Công tắc gạt vào sổ đặt ở khu vực cần điều khiển giúp cho việc chuyển từ số 2 sang số 1 dễ dàng và nhanh chóng.

CHỈNH ĐỘ NGHIÊNG VÔ LĂNG LÁI

Việc điều chỉnh độ nghiêng vô lăng lái đến nhiều vị trí khác nhau phù hợp với người vận hành tạo nên tính thuận tiện và thoải mái.

CÔNG TẮC CÀI ĐẶT NGẮT LI HỢP 06

Hệ thống ngắt li hợp có thể điều chỉnh được cho phép thợ vận hành lựa chọn vị trí bàn đạp phanh bên trái nơi kích hoạt ngắt li hợp. Điều này cho phép thợ vận hành điều chỉnh để dễ dàng thích ứng với nhiều điều kiện làm việc.



TÍNH NĂNG ĐỔ VẬT LIỆU ĐƯỢC CÀI TIẾN 06

2 ty giúp đổ vật liệu có thể cài đặt được từ chính cabin vận hành.

Chế độ nâng gầu cao dùng để chuyển vật liệu lên xe tải hoặc phễu, trong khi chế độ thấp dùng để cài đặt đưa gầu về lại vị trí đào vật liệu.

CÔNG TẮC KHÓA CẦN SANG SỔ

Công tắc khóa cần sang số cho phép (TÙY CHỌN) thợ vận hành có thể giữ vị trí số ở thời điểm hiện tại chỉ với một nút thuận tiện được đặt trên cần điều khiển thủy lực khi hộp số ở chế độ tự động.

K-LEVER (TÙY CHỌN) 07

Tay trang lái K-Lever giúp cho người vận hành khỏi mệt mỏi đồng thời gia tăng hiệu suất làm việc.

Việc lựa chọn vào sổ được thực hiện chỉ bằng các nút nhấn trên tay trang

K-Lever và việc thay đổi hướng lái được thực hiện tiện lợi bằng tay trang.



95ZV-2 CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Động cơ

Model	Động cơ diesel CUMMINS "QSX15"
Loại	4 thì, làm mát bằng nước, phun trực tiếp, với turbo tăng áp, bộ làm mát khí trong
Công suất định mức	Gross 291 kW(390 hp)/2,000 vòng/phút Net 268 kW(359 hp)/2,000 vòng/phút
Mô - men xoắn tối đa	Gross 1,825 N·m(1 86.2 kgf·m)/ 1,400 vòng/phút
Số xi lanh	6
(Đ.kính × khoảng chạy)	137 mm × 169 mm
Tổng dung tích	14.95 lít
Loại làm mát	Quạt làm mát dẫn động bằng thủy lực tản nhiệt điều áp
Bơm nạp nhiên liệu	Phun áp lực cao Cummins
Bộ điều tốc	Loại điện tử, mọi tốc độ
Lọc gió	Loại khô (2 lõi)
Máy phát điện	AC 24V 1.8 kW (75 A)
Mô tơ để khởi động máy	DC 24V 8.3 kW (11.1 hp)
Ắc qui	DC 12V 140 Ah × 2

Hộp số & Bộ biến mô (Ly hợp thủy lực)

Hộp số	KCM, Truyền động hết công suất		
Bộ biến mô	KCM 3 bộ phận, 1 stator, 1 rotor		
Tốc độ di chuyển	Tới	Lùi	
	Số 1	7.7 km/h	8.3 km/h
	Số 2	14.5 km/h	15.6 km/h
	Số 3	24.4 km/h	26.1 km/h
	Số 4	34.8 km/h	—
Ghi chú		Với 29.5(L3)	

Cầu xe và cơ cấu truyền động cuối cùng

Loại	Dẫn động 4 bánh
NSX & Loại	KCM
	Tự do hoàn toàn
Hộp số vi sai	Bánh răng cùi thơm, điều chỉnh mô - men, bộ giảm tốc đơn
Bánh răng giảm tốc cuối cùng	Lắp phía ngoài Bộ không hành tinh
Góc dao động của cầu sau	±12°
Lớp (tiêu chuẩn)	29.5(L3) Bánh đặc

Thay đổi khối lượng

Hạng mục tùy chọn		Trọng lượng vận hành (kg)	Độ chênh lệch tải(kg)			Bề rộng tổng thể (mm) (lớp phía ngoài)	Chiều cao tổng thể (mm)	Chiều dài tổng thể (mm)
			Đi thẳng	Cua 37°	Quay máy tối đa			
Lớp	26.5R25(L3)	-680	-520	-430	-420	-90	-50	+40
	26.5R25(L4)	-280	-210	-170	-170	-60	-20	+20
	26.5R25(L5)	+60	+40	+30	+30	-60	-10	+10
	29.5R25(L3)	±0	±0	±0	±0	±0	±0	±0
	29.5R25(L4)	+500	+380	+310	+310	+10	+35	-30
	29.5R25(L5)	+840	+640	+540	+530	+10	+40	-40
	26.5-25-24PR(L3)	-420	-320	-260	-260	-90	-50	+40
	26.5-25-24PR(L4)	-20	-10	-10	-10	-60	-20	+20
	26.5-25-24PR(L5)	+570	+430	+350	+350	-60	-10	+10
	29.5-25-22PR(L3)	±0	±0	±0	±0	±0	±0	±0
29.5-25-22PR(L4)	+730	+560	+470	+460	+10	+35	-30	
29.5-25-22PR(L5)	+1080	+830	+690	+680	+10	+40	-40	
Đối trọng		+410	+1000	+830	+820	±0	±0	±0
Cabin miễn		-300	-290	-250	-250	—	±0	—
Bộ phận bảo vệ phía dưới bụng máy		+230	+390	+320	+320	±0	±0	±0

Hệ thống phanh

Phanh chính	Phanh đĩa ướt trên 4 bánh xe Được kiểm soát hoàn toàn bằng thủy lực 2 mạch
Phanh đỗ	Tác động bằng lò xo, mở bằng áp dầu thủy lực

Hệ thống lái

Loại	Lái qua khung khớp xoay, lái chuyển bằng công suất thủy lực. Vận hành bằng áp điều khiển
Van trợ lái	Orbitroll và loại van ống
Góc lái	40° cho mỗi bên

Hệ thống tải vật liệu

Loại	Nằm phía trước, hệ thống nối nối hình Z	
Chu kì thủy lực	Nâng (tải tối đa)	6.1 sec
	Hạ (gầu trống)	4.0 sec
	Đổ vật liệu	1.5 sec
	Tổng chu kì	11.6 sec






Hệ thống thủy lực

Bơm dầu	Bơm trợ lái	Bánh răng, 358 lít/phút 6.9 MPa(70 kg/cm ²) @ 2,000 v/phút
	Bơm dầu chính	Bánh răng, 190 lít/phút, 6.9 MPa(70 kg/cm ²) @ 2,000 v/phút
	Bơm dầu điều khiển	Bánh răng, 169 lít/phút, 6.9 MPa(70 kg/cm ²) @ 2,000 v/phút
Xy lanh nâng	Loại	Pít tổng tác động 2 chiều
	Đ.Kính x Khoảng chạy	2 × 190 mm Đ.Kính × 953 mm Khoảng chạy
Xy lanh nghiêng	Loại	Pít tổng tác động 2 chiều
	Đ.Kính x Khoảng chạy	2 × 160 mm Đ.Kính × 605 mm Khoảng chạy
Xy lanh lái chuyển	Loại	Pít tổng tác động 2 chiều
	Đ.Kính x Khoảng chạy	2 × 90 mm Đ.Kính × 600 mm Khoảng chạy
Áp cài đặt van xả	Van điều khiển	20.6 MPa(210 kg/cm ²)
	Van trợ lái	20.6 MPa(210 kg/cm ²)

Lượng dầu nhớt

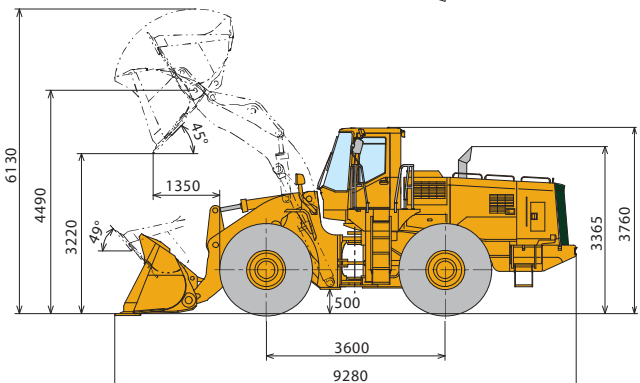
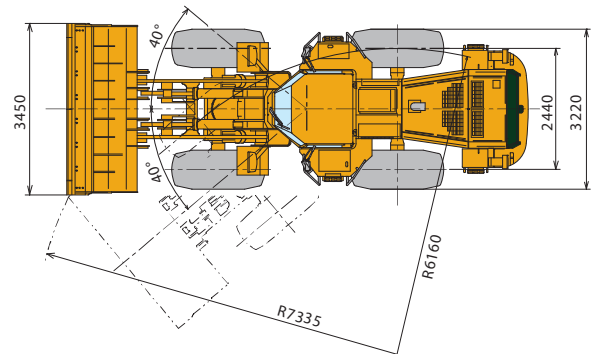
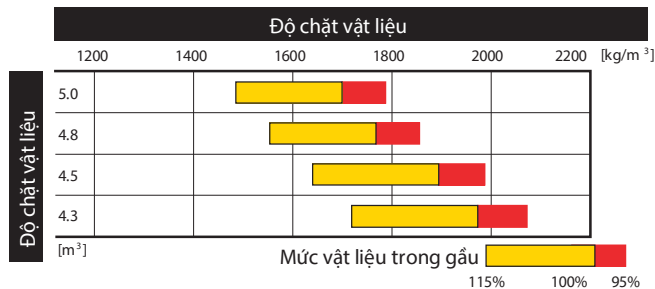
Thùng nhiên liệu	465 lít
Bôi trơn động cơ (gồm cả dầu ở đáy cacte)	50 lít
Nước làm mát động cơ	100 lít
Hộp số	70 lít
Cầu trước/sau	200 lít
Thùng dầu thủy lực	150 lít
Hệ thống thủy lực (tính cả thùng dầu)	265 lít

Gầu

			Tay nâng gầu tiêu chuẩn				
			Mục đích chung		Đá vát mép đứng	Đá vát mép chữ V	Than
			Tám mép (bu lông)	Gắn bằng răng	Gắn bằng răng	Gắn bằng răng	Tám mép (bu lông)
			GSC	GST	RST	RVT	
							
Dung tích gầu	Vật liệu chất lỏng	m ³	5.0	4.8	4.3	4.5	7.5
	Vật liệu nặng	m ³	4.3	4.1	3.7	3.8	6.4
Khoảng sáng tối đa khi nâng gầu (đầy tải)		mm	3,220	3,105	3,100	2,970	3,135
Khoảng tiếp cận tối đa khi nâng gầu (có tải)		mm	1,350	1,420	1,425	1,550	1,430
Chiều cao tối đa của trục chốt ty nâng gầu		mm			4,490		
Chiều sâu đào (theo độ sâu gầu xúc)		mm	80	110	110	110	80
Lực xúc đất		kN	245	265	265	226	223
Góc nghiêng gầu ra sau	khí di chuyển	deg			49°		
Chiều dài tổng thể		mm	9,280	9,420	9,420	9,600	9,410
Chiều cao tổng thể	Đến đỉnh cabin	mm			3,760		
	Nâng gầu tối đa	mm	6,130	6,130	6,190	6,190	6,415
Chiều rộng tổng thể	Tính ở mép ngoài lốp	mm			3,220		
	Tính ở mép ngoài gầu	mm	3,450	3,465	3,465	3,465	4,090
Khoảng cách tâm lốp trái và phải		mm			2,440		
Chiều dài cơ sở		mm			3,600		
Bán kính quay vòng tối thiểu (di chuyển có mang gầu)	Tính từ mép ngoài gầu	mm	7,335	7,380	7,380	7,380	7,660
	Tính từ tâm lốp ngoài	mm			6,160		
Khoảng sáng gầm tối thiểu		mm			500		
Góc khớp xoay tối đa		deg			40°		
Trọng lượng vận hành	với cabin ROPS	kg	30,540	30,360	30,830	30,950	31,110
Tải trọng không tải lúc đổ vật liệu	vị trí máy thẳng	kg	23,260	23,420	22,980	22,640	22,060
	xoay 37°	kg	19,490	19,620	19,260	19,130	18,490
	xoay tối đa	kg	19,140	19,280	18,920	18,640	18,160

Trọng lượng và số liệu bao gồm bánh đặc loại 29.5 (L3), ROPS cab, chất bôi trơn, nước làm mát, thùng nhiên liệu đầy và thợ vận hành (75kg).

Biểu đồ lựa chọn loại gầu xúc



Trang bị với gầu xúc GST, lốp đặc 29.5 (L3) và cabin ROPS.

Lưu ý

- * Các loại vật liệu và đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước và có thể sẽ không tuân theo sự thay đổi của đơn vị sản xuất phụ tùng dùng trên thiết bị.
- * Thông tin này, mặc dù hoàn toàn đáng tin cậy song nó không có nghĩa để xem xét như minh chứng hợp pháp cho việc yêu cầu bảo hành.
- * Khoảng sáng và khoảng tiếp cận khi gầu mang tải được xác định từ mép của gầu xúc theo tiêu chuẩn SAE J732C.
- * Màu cho các model trong tập giới thiệu này theo tiêu chuẩn của KCM là màu vàng.
- * Đối trọng (tùy chọn) không nên sử dụng khi máy là bánh lốp chứa phụ gia bên trong.
- * Bảng đặc tính kỹ thuật này có thể chứa cả đính kèm và trang bị tùy chọn mà không sử dụng ở thị trường của bạn. Vui lòng liên hệ với các đại lý KCM địa phương để chọn các hạng mục tùy chọn mà bạn mong muốn.

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

*Các đặc tính tiêu chuẩn rất đa dạng. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với các đại lý KCM địa phương.

Điện

Máy phát 75 A
Tín hiệu di chuyển lùi máy
Phanh và đèn sau đuôi xe
Bộ đề bằng điện
Các đèn làm việc Halogen và chùm tín hiệu dưới, trên (trước)
Đèn làm việc Halogen (2 phía trước và 2 phía sau)
Các tín hiệu khi xoay máy với đèn nháy 4 cấp

Đồng hồ đo và các chỉ báo

Đèn cảnh báo cho bộ lọc gió
Đèn cảnh báo cho chế độ di chuyển tự động
Đèn nạp bình ắc quy
Đèn cảnh báo áp suất phanh
Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát và đèn cảnh báo

Đèn cảnh báo áp lực nhớt động cơ

Đồng hồ đo mức nhiên liệu
Đèn chỉ báo tín hiệu cao
Đồng hồ đo thời gian làm việc
Đèn chỉ báo tầm trung
Đèn chỉ báo phanh đỗ

Công tơ mét

Đồng hồ nhiệt độ nhớt bộ biến mô và đèn cảnh báo
Đèn cảnh báo kiểm soát bộ phận truyền động
Đèn ngắt ly hợp truyền động
Bộ giám sát tình trạng hộp số
Đèn chỉ báo làm việc

Khu vực vận hành

Ghế ngồi điều chỉnh được, lắp trên lò xo
Gạt tàn thuốc
Hốc đặt cốc nước uống
2 tay trang điều khiển gầu và ty nâng
2 mạch điện cho còi
Công tắc gạt sang số
Vô lăng lái nghiêng được

Hệ thống truyền lực

Kiểm soát lực kéo chủ động
Loại làm sạch tự động nhờ vào lọc sơ cấp
Động cơ diesel Cummins QSX15
Phanh nhiều đĩa loại ướt (trong nhớt thủy lực)

Quạt tản nhiệt cho động cơ, vận hành bằng thủy lực

Hộp số tự động KCM
Các trục của KCM, vì sai phân bố mô-men xoắn (trước /sau)
Ly hợp thủy lực KCM
Trục dẫn động ít cần bảo trì
Lốp, 35/65 (L4) loại đặc

Khác

Cảm biến vị trí cho gầu
Chốt móc kéo
Tay vịn
Thiết bị hỗ trợ đổ vật liệu khỏi gầu
Thang, trái và phải
Mối nối vận chuyển dạng chữ Z với 1 xi lanh đơn
Phanh đồ nhiều đĩa loại ướt
Phanh phụ

TRANG BỊ TÙY CHỌN

Cung cấp thêm đối trọng
Bổ sung công tắc chuyển hướng Trước - Sau
Bổ sung 2 đèn làm việc phía sau
Đặc tính chống ăn mòn
Điều hòa tự động
Bộ phận bảo vệ dưới bụng máy
Lái chuyển khẩn cấp
Thành bảo vệ trước/sau
Tay nâng gầu lên cao
Hệ thống xử lý nhựa nóng

Mạch thủy lực cho các chốt lắp ghép nhanh
Hệ thống 3 van thủy lực dạng thanh trượt
K-Lever (hệ thống kiểm soát trục lái)
Đèn LED phía sau
Khóa bộ biến mô
Nhật ký theo dõi lược sử máy
Chấn bụn
Bộ giảm tiếng ồn động cơ (110dB(A))
Lọc sơ cấp
Bộ lắp ghép nhanh

Radio
Kiểm soát di chuyển (cảm biến tốc độ)
Các loại lốp và gầu xúc tùy chọn
Công tắc khóa cabin sang số
Tay nâng gầu gần
Bộ thiết bị bảo vệ chống các tác động phá hoại
Bộ xử lý chất thải
Bộ tản nhiệt với cánh quạt rộng

95ZV-2



KCM Corporation

<https://kcmcorp.co.jp>

C09561EX02 Dec. '16® Printed in Japan

